



PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Hàng hóa mẫu số 1785 /TM-TT/YT ngày 15 tháng 09 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật tương đương		Số lượng	Ghi chú
Phần I: Bơm kim tiêm, Dây truyền dịch						
1	Bơm tiêm nhựa 5ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 5ml. -Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO -Vật liệu làm đốc kim, nắp dây đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế -Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ -Đầu kim 3 mặt vát -Giống mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn -Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm -Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy: Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; CE		110.000	
2	Bơm tiêm 10ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 10ml. -Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO -Vật liệu làm đốc kim, nắp dây đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế -Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ -Đầu kim 3 mặt vát -Giống mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn -Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm -Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy: Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; CE		90.000	
3	Bơm tiêm nhựa 20ml	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 20ml. -Đóng gói kín, từng chiếc. Tiệt trùng bằng khí EO -Vật liệu làm đốc kim, nắp dây đầu kim, piston và xilanh: Là nhựa PP nguyên sinh dùng trong y tế -Chất liệu làm thân kim tiêm: Thép không gỉ -Đầu kim 3 mặt vát -Giống mềm dẻo, bề mặt gioăng nhẵn -Không có chất gây sốt (pyrogene) trong bơm tiêm -Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy: Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; CE		15.000	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật tương đương		Số lượng	Ghi chú
4	Bơm tiêm nhựa 50ml dùng cho bệnh nhân ăn	Cái	Bơm tiêm có thể tích: 60ml (dùng để cho ăn). -Độc xy lanh to nắp vừa dây cho ăn và có nắp đẩy. -Được vô trùng bằng khí EO, không độc, không có chất gây sốt (pyrogene), sử dụng một lần. -Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.		200	
5	Bơm tiêm insulin 1ml	Cái	Bơm tiêm insulin thể tích 1ml bao gồm: piston, xi lanh, giăng cao su, nắp kim và đầu mũi kim. Bơm kèm theo nắp cuối xy lanh được lắp sẵn để ngăn dị vật vào lòng bơm trước và sau khi sử dụng. - Xi lanh được làm từ vật liệu Polypropylene (PP), trong suốt. - Kim tiêm 30G/31G x 8mm, sắc nhọn được sản xuất từ thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE		750.000	
6	Dây truyền dịch kèm kim cánh bướm đôi	Bộ	-Bao gồm: bộ kim chai (đầu chọc xuyên qua nắp) bằng nhựa và vỏ bảo vệ, van thông khí có thiết kế màng lọc khí vỏ khuôn, bầu nhỏ giọt có thiết kế màng lọc, ống truyền dịch (dây dẫn), bộ điều chỉnh lưu lượng dòng chảy, công tắc thuốc cao su, đầu nối kim (đầu xoắn Luerlock), kim hai cánh bướm. -Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC, y tế mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng, dài 1500 mm. -Bầu: dung tích 6ml, thành dày đều. Màng lọc dịch: chất liệu nylon, giấy y tế, chống thấm nước. -Đĩa lọc chân không (màng lọc dịch): 15 µm -Tốc độ truyền: 20 giọt/ml, có thể điều chỉnh được. -Có vị trí tiếp thuốc (tiêm thuốc) nhiều lần. -Đầu nối kim có thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock), kim cánh bướm hai cánh sắc nhọn, có nhiều cỡ/size, chiều dài dây 300mm. -Không buốt, không độc, không gây sốt (pyrogen), không chứa DEHP, không Latex, không có thành phần tan màu và không có phản ứng tan màu. -Quy cách đóng gói : Bộ 1 cái /túi -Tiệt trùng bằng khí EO, sử dụng 1 lần.		18.000	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật tương đương		Số lượng	Ghi chú
Phần 2: Phim X-Quang, Test nhanh, Que thử nước tiểu						
7	Phim x-ray khô (8x10 inch, 20x25cm)	Tờ	Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3,3		33.000	
8	Que thử nước tiểu 10 thông số	Hộp	*, Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin Leukocyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động.		150	
9	Test nhanh chẩn đoán kháng thể HIV	Test	Phát hiện và phân biệt các kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và mẫu toàn phần. Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 99,8%.		1.000	
10	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Test	Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, mẫu toàn phần người. Độ nhạy tương quan: 100%, Độ đặc hiệu tương quan: 99,4%		1.200	
11	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên viêm gan B	Test	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% Thời gian trả kết quả: 20 phút Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL;		1.500	
12	Test nhanh kháng nguyên sốt xuất huyết	Test	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và mẫu toàn phần người. Độ nhạy tương quan: 92,4%, Độ đặc hiệu tương quan: 98,4% so với RT-PCR. Thể tích mẫu sử dụng: 100µl		2.000	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật tương đương		Số lượng	Ghi chú
13	Test thử xét nghiệm định tính phát hiện 5 chất gây nghiện: MOP/COD/AMP/THC/HER trong mẫu nước tiểu	Test	Test thử nhanh phát hiện 5 chất ma túy. Ngưỡng phát hiện: - Amphetamin (AMP): 500 ng/ml - Marijuana (THC): 50ng/ml - Heroin hoặc chất chuyển hóa 6-Monoacetylmorphin: 10ng/ml - Morphin (MOR): 300ng/ml - Codein (COD): 200ng/ml Hiệu năng so với phương pháp GC/MS hoặc LC/MS: - Độ nhạy > 98,5% - Độ đặc hiệu > 99,3% - Độ chính xác >99% Đọc kết quả tại 5 phút, không đọc kết quả sau 8 phút.		2.500	

Phần 3: Hóa chất xét nghiệm Điện giải

14	Hóa chất xét nghiệm điện giải	Hộp	Thành phần: Standard A: 650ml (K: 4.0 mmol/l, Na: 140.0 mmol/l, Cl: 100 mmol/l, Ca : 1.0 mmol/l) Standard B : 350ml (K: 8.0 mmol/l, Na: 110 mmol/l, Cl: 70 mmol/l, Ca : 2.0 mmol/l)		15	
15	Hóa chất chuẩn thông số xét nghiệm điện giải	Lọ	Chuẩn thông số xét nghiệm điện giải Kiểm tra tình trạng hoạt động máy điện giải Erba Lyte		3	
16	Điện cực Canxi	Cái	Điện cực Ca sử dụng cho máy điện giải Đóng gói: 01 cái/hộp		3	
17	Điện cực Clo	Cái	Điện cực Clo sử dụng cho máy điện giải Đóng gói: 01 cái/hộp		3	
18	Điện cực Kali	Cái	Điện cực Kali sử dụng cho máy điện giải Đóng gói: 01 cái/hộp		3	
19	Điện cực Natri	Cái	Điện cực Natri sử dụng cho máy điện giải Đóng gói: 01 cái/hộp		3	